

Danh sách
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
(DẠNG THỨC TOEIC 450+)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTNNTH, ngày tháng năm 2025 của Giám
đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)
Khóa thi ngày: 19/8/2025

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	198001	Phạm Hồ Bình An	03/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	515	Cấp CN
02	198002	Nguyễn Hồng Anh	20/05/2005	Đồng Tháp	720	Cấp CN
03	198003	Mai Thị Vân Anh	04/07/2005	Quảng Ngãi	770	Cấp CN
04	198004	Phan Nhật Anh	14/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	790	Cấp CN
05	198005	Trần Huỳnh Phương Anh	29/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	875	Cấp CN
06	198006	Nguyễn Thị Lan Anh	18/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	885	Cấp CN
07	198007	Hồ Nhật Anh	29/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	790	Cấp CN
08	198008	Đặng Nguyễn Thế Anh	16/03/2004	Vĩnh Long	860	Cấp CN
09	198009	Phan Tấn Bảo	08/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	675	Cấp CN
10	198010	Nguyễn Hà Gia Bảo	28/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	635	Cấp CN
11	198011	Huỳnh Thái Bảo	06/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	605	Cấp CN
12	198012	Trần Đoàn Gia Bảo	14/09/2004	Vĩnh Long	750	Cấp CN
13	198013	Đinh Thụy Minh Châu	07/11/2000	Gia Lai	555	Cấp CN
14	198014	Nguyễn Ngọc Châu	08/03/2004	Đồng Nai	500	Cấp CN
15	198015	Nguyễn Huỳnh Minh Chi	30/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	820	Cấp CN
16	198016	Lê Công Chí	30/10/2005	Tây Ninh	420	
17	198017	Lê Nguyễn Hùng Cường	09/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	370	
18	198018	Nguyễn Hoàng Trúc Đào	25/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	280	
19	198019	Võ Tiến Đạt	22/07/2005	Đồng Tháp	800	Cấp CN
20	198020	Đặng Đông Điền	01/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
21	198021	Hoàng Trung Đức	25/12/1997	Gia Lai	555	Cấp CN
22	198022	Mai Trí Dũng	17/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	780	Cấp CN
23	198023	Nguyễn Trí Dũng	02/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	455	Cấp CN
24	198024	Liu Ní Hoàng Duy	20/06/2004	Tp. Hồ Chí Minh	415	
25	198025	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	12/08/2005	Vĩnh Long	690	Cấp CN
26	198026	Nguyễn Thị Trúc Hà	16/01/2005	Đắk Lắk	840	Cấp CN
27	198027	Nguyễn Ngọc Hân	11/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	890	Cấp CN
28	198028	Trần Nguyễn Gia Hân	03/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	670	Cấp CN
29	198029	Hoàng Mai Hân	15/05/2000	Thanh Hóa	330	
30	198030	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	17/02/2004	Đồng Tháp	565	Cấp CN
31	198031	Phan Văn Hậu	30/01/2004	Tây Ninh	790	Cấp CN
32	198032	Mai Huy Hiệu	31/07/2005	Ninh Bình	795	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
33	198033	Lê Thị Phúc Hồng	03/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	840	Cấp CN
34	198034	Phạm Thị Diễm Hương	06/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	775	Cấp CN
35	198035	Trần Thu Hương	02/09/2003	Tây Ninh	315	
36	198036	Nguyễn Thị Thu Hương	19/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	305	
37	198037	Nguyễn Như Huy	12/12/2001	Lâm Đồng	790	Cấp CN
38	198038	Trần Gia Huy	23/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	770	Cấp CN
39	198039	Nguyễn Tăng Khải	16/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	380	
40	198040	Nguyễn Quốc Khải	21/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	500	Cấp CN
41	198041	Lê Văn Khánh	06/05/2002	Đồng Nai	815	Cấp CN
42	198042	Đoàn Đỗ Anh Khoa	01/11/2005	An Giang	740	Cấp CN
43	198043	Bùi Tấn Khoa	14/08/2004	Đồng Tháp	430	
44	198044	Võ Anh Khoa	20/01/2005	Tây Ninh	585	Cấp CN
45	198045	Lê Thụy Thiên Kim	02/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	505	Cấp CN
46	198046	Huỳnh Lê Tùng Lâm	28/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
47	198047	Nguyễn Thị Xuân Lan	08/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
48	198048	Nguyễn Hoàng Lâm	03/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	395	
49	198049	Nguyễn Thị Hồng Liên	13/01/2005	Đồng Tháp	390	
50	198050	Hồ Đoàn Mỹ Linh	02/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	690	Cấp CN
51	198051	Đặng Thu Loan	10/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	765	Cấp CN
52	198052	Nguyễn Phước Lộc	12/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	795	Cấp CN
53	198053	Hà Văn Lương	01/04/2001	Hà Tĩnh	565	Cấp CN
54	198054	Huỳnh Thị Xuân Mai	03/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	510	Cấp CN
55	198055	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	10/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	340	
56	198056	Nguyễn Quang Minh	18/01/2003	Đồng Tháp	510	Cấp CN
57	198057	Đặng Phương Nam	15/01/2004	Hung Yên	515	Cấp CN
58	198058	Hà Văn Nam	04/09/2004	Tp. Hồ Chí Minh	730	Cấp CN
59	198059	Phan Nguyễn Kim Ngân	01/11/2005	Đồng Tháp	770	Cấp CN
60	198060	Mai Chí Ngoạn	16/09/2004	Gia Lai	720	Cấp CN
61	198061	Trần Thị Khánh Ngọc	01/07/2005	Tây Ninh	760	Cấp CN
62	198062	Trương Cao Bảo Ngọc	29/04/2005	Đồng Tháp	940	Cấp CN
63	198063	Hoàng Văn Ngọc	10/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	680	Cấp CN
64	198064	Nguyễn Thị Kim Ngọc	17/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	725	Cấp CN
65	198065	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	07/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	880	Cấp CN
66	198066	Phạm Thị Thảo Nguyên	07/04/2004	Trà Vinh	780	Cấp CN
67	198067	Nguyễn Ngọc Nguyên	15/08/2005	Lâm Đồng	305	
68	198068	Huỳnh Trương Khánh Nguyên	19/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	350	
69	198069	Phan Nhật Tuyết Nhi	23/04/2004	Gia Lai	365	

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
70	198070	Tô Ngọc Quỳnh Nhi	29/01/2005	Đồng Nai	575	Cấp CN
71	198071	Nguyễn Minh Nhi	31/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	705	Cấp CN
72	198072	Mai Nguyễn Thị Yến Nhi	19/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	340	
73	198073	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	08/10/2004	Vĩnh Long	865	Cấp CN
74	198074	Phan Nguyễn Hoàng Nhi	26/04/2004	Lâm Đồng	345	
75	198075	Nguyễn Thị Quỳnh Như	06/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	695	Cấp CN
76	198076	Lâm Huỳnh Như	27/03/2004	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
77	198077	Trần Thuận Phát	15/11/2004	Đồng Tháp	385	
78	198078	Huỳnh Hoàng Xuân Phi	17/02/2003	Lâm Đồng	940	Cấp CN
79	198079	Võ Hoàng Phú	27/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	500	Cấp CN
80	198080	Hồ Hữu Phúc	11/10/2004	Tây Ninh	465	Cấp CN
81	198081	Nguyễn Duy Phương	26/02/2005	Tây Ninh	635	Cấp CN
82	198082	Trần Trọng Phường	04/02/2004	Đồng Tháp	390	
83	198083	Nguyễn Thành Quang	16/10/2004	Đồng Nai	575	Cấp CN
84	198084	Đoàn Thị Ngọc Quyên	25/10/2004	Tp. Hồ Chí Minh	835	Cấp CN
85	198085	Nguyễn Thị Kim Quyên	22/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	865	Cấp CN
86	198086	Phạm Thị Bích Quyên	06/08/2004	Tp. Cần Thơ	595	Cấp CN
87	198087	Phạm Trần Phương Quyên	25/08/2004	Tây Ninh	255	
88	198088	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	21/06/2005	Tp. Hồ Chí Minh	525	Cấp CN
89	198089	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	17/02/2005	Quảng Ngãi	705	Cấp CN
90	198090	Nguyễn Phương Sinh	06/10/2003	Đồng Nai	450	Cấp CN
91	198091	Nguyễn Hoàng Sơn	22/04/2004	Vĩnh Long	425	
92	198092	Nguyễn Ngọc Sơn	28/06/2005	Tây Ninh	650	Cấp CN
93	198093	Nguyễn Nhật Tân	16/07/2004	Tây Ninh	630	Cấp CN
94	198094	Nguyễn Duy Tân	26/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	525	Cấp CN
95	198095	Võ Minh Tân	06/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	350	
96	198096	Chu Thắng	25/04/2003	Khánh Hòa	795	Cấp CN
97	198097	Lê Thị Phương Thanh	13/03/2004	Đồng Nai	540	Cấp CN
98	198098	Nguyễn Văn Thành	12/10/2005	Gia Lai	425	
99	198099	Nguyễn Vũ Minh Thảo	27/05/2003	Lâm Đồng	715	Cấp CN
100	198100	La Thị Thảo	02/08/2004	Lâm Đồng	Xin dời	
101	198101	Lê Hồng Thi	26/05/2004	Lâm Đồng	850	Cấp CN
102	198102	Lê Quang Thịnh	03/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	585	Cấp CN
103	198103	Lê Thị Thu	13/05/2004	Đắk Lắk	680	Cấp CN
104	198104	Trần Thị Yến Thùy	08/02/2005	Cà Mau	640	Cấp CN
105	198105	Võ Hồ Diệu Tiên	17/06/2005	Tây Ninh	720	Cấp CN
106	198106	Đỗ Mạnh Toàn	21/11/2004	Đồng Nai	660	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
107	198107	Trương Lê Trân	03/04/2005	Cà Mau	605	Cấp CN
108	198108	Thân Thị Thùy Trang	22/06/2005	Gia Lai	875	Cấp CN
109	198109	Nguyễn Mai Hiền Trắng	27/07/2004	Đồng Nai	615	Cấp CN
110	198110	Đỗ Thị Bảo Trinh	14/09/2005	Tây Ninh	415	
111	198111	Huỳnh Thị Lan Trinh	07/07/2004	Tây Ninh	760	Cấp CN
112	198112	Dương Quang Trọng	01/09/2004	Đắk Lắk	630	Cấp CN
113	198113	Nguyễn Thị Thu Trúc	11/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	660	Cấp CN
114	198114	Dương Nhật Trường	08/06/2004	Tây Ninh	665	Cấp CN
115	198115	Trần Đức Tuấn	06/09/2004	Lâm Đồng	715	Cấp CN
116	198116	Nguyễn Hữu Mạnh Tường	03/11/2004	Lâm Đồng	465	Cấp CN
117	198117	Lê Thị Kim Tuyền	11/03/2005	Tây Ninh	620	Cấp CN
118	198118	Huỳnh Thị Kim Tuyền	09/04/2004	Tây Ninh	670	Cấp CN
119	198119	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11/03/2005	Đồng Tháp	475	Cấp CN
120	198120	Nguyễn Gia Uy	05/05/2005	Tây Ninh	685	Cấp CN
121	198121	Đặng Thị Thanh Vân	24/08/2005	Quảng Ngãi	755	Cấp CN
122	198122	Ngô Võ Tường Vi	19/09/2005	Tây Ninh	255	
123	198123	Trần Phạm Trường Vi	18/08/2004	Vĩnh Long	760	Cấp CN
124	198124	Nguyễn Phạm Quốc Việt	01/06/2005	Lâm Đồng	785	Cấp CN
125	198125	Phan Võ Khắc Vy	01/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	735	Cấp CN
126	198126	Lâm Yến Vy	22/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	700	Cấp CN
127	198127	Đoàn Tường Vy	08/12/2005	Cà Mau	655	Cấp CN
128	198128	Đinh Triệu Vy	29/08/2004	Đồng Tháp	700	Cấp CN
129	198129	Huỳnh Thị Thúy Vy	28/09/2005	Đồng Tháp	760	Cấp CN
130	198130	Nguyễn Hoàng Yến	06/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	715	Cấp CN
131	198131	Nguyễn Đặng Gia Khang	13/10/2005	Tây Ninh	575	Cấp CN

Tổng cộng: 131 Thí sinh